Anốt kẽm dạng dải

Anốt hy sinh hợp kim kẽm dạng dải cho bảo vệ catốt và giảm ảnh hưởng dòng điện xoay chiều (AC).

LIÊN TỤC - PHÂN BỐ - TRUY XUẤT



Anốt dải kẽm CathPro gồm lõi dây thép mạ kẽm được bao bởi hợp kim kẽm chất lượng cao đùn. Dùng cho bảo vệ catốt, giảm ảnh hưởng AC, tiếp địa, hệ anốt vòng bồn và bảo vệ ống lồng.

Dạng dải liên tục có tỷ số dòng đầu ra/thể tích cao và phân bố dòng đều dọc chiều dài lắp. Dễ cắt theo chiều dài, linh hoạt tại hiện trường, phù hợp tuyến dài quanh đường ống, bồn chứa, hệ tiếp địa và kết cấu thép chôn khác.

Jiaozuo Huayu Magnesium Co., Ltd. | Thương hiệu CathPro | www.cathprocp.com

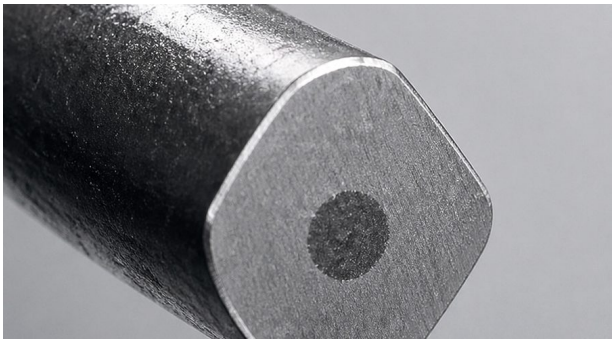
Kết cấu vật liệu

Bên trong là lõi thép mạ kẽm liên tục, bên ngoài là vật liệu hợp kim kẽm hy sinh. Lõi tạo độ bền cơ và tính liên tục, thân ngoài làm anốt hy sinh. Cấu trúc giữ dải ổn định khi thao tác, lắp đặt, chạy tuyến dài, đồng thời duy trì bề mặt hy sinh sạch cho hiệu năng bảo vệ catốt.

Bộ phận	Chức năng
Lõi	Dây thép mạ kẽm tạo độ bền kéo và tính liên tục
Thân	Hợp kim kẽm đùn làm vật liệu anốt hy sinh
Dạng	Dải liên tục tạo dòng phân bố dọc chiều dài lắp

Hình cận cảnh: thân ngoài hợp kim kẽm và lõi dây thép mạ kẽm.





Ứng dụng

Dùng khi cần phát dòng phân bố, lắp linh hoạt và chiều dài anốt liên tục lớn.

Ứng dụng	Công dụng điển hình
Đường ống chôn	Bảo vệ catốt phân bố và giảm ảnh hưởng AC
Bồn chứa trên mặt đất	Anốt vòng bồn và bảo vệ đáy bồn
Ống PCCP	Hỗ trợ CP hệ ống bê tông dự ứng lực có lõi thép
Hệ CP tạm thời	Bảo vệ trong thi công/chạy thử
Lưới tiếp địa	Hỗ trợ nối đất gần cột điện và hệ điện
Giảm ảnh hưởng AC	Giảm dòng AC cảm ứng trên ống chôn
Bảo vệ ống lồng	Bảo vệ cục bộ vùng ống lồng

Các khu vực áp dụng gồm đường ống chôn, bồn trên mặt đất, ống PCCP, hệ CP tạm thời, lưới tiếp địa cột điện, hệ giảm ảnh hưởng AC, ống lồng và anốt vòng bồn.

Đặc điểm và hiệu năng

Đặc điểm	Mô tả
Dải liên tục	Phát dòng phân bố dọc chiều dài lắp
Hiệu suất dòng cao	Thiết kế cho chức năng anốt hy sinh hiệu quả
Phân bố dòng đều	Hình học dải giúp phân bố mật độ dòng đều hơn
Đầu ra tự điều chỉnh	Dòng điều chỉnh theo điều kiện môi trường và điện
Độ bền cơ	Lõi thép tăng độ bền kéo, khả năng thao tác; độ cứng tốt
Linh hoạt hiện trường	Cắt theo chiều dài, bố trí trong rãnh, vòng hoặc sơ đồ tiếp địa
Linh hoạt khi lạnh	Lắp trong môi trường lạnh tới -22°F / -30°C

Tỷ số dòng đầu ra/thể tích cao; cung cấp dạng cuộn hoặc tang theo dự án. Hình học hỗ trợ tuyến linh hoạt và cắt tại hiện trường; lõi thép tạo độ bền thao tác khi bố trí và đấu nối.

Đặc tính điện hóa

Các giá trị được giữ làm tham chiếu kỹ thuật để rà soát yêu cầu. Type I: dung lượng 780 A・h/kg, hiệu suất dòng 95%. Khả năng lắp linh hoạt khi lạnh: -30°C.

Hợp kim/tiêu chuẩn	Điện thế hở mạch	Điện thế kín mạch	Dung lượng	Suất tiêu hao	Hiệu suất
ASTM B418 Type I	Tối thiểu 1.05 V	Tối thiểu 1.00 V	354 A・h/lb / 780 A・h/kg	24.8 lb/A・yr	95%
ASTM B418 Type II	Tối thiểu 1.10 V	Tối thiểu 1.05 V	335 A・h/lb / 740 A・h/kg	26.2 lb/A・yr	90%

Yêu cầu điện hóa cuối cùng phải xác nhận theo yêu cầu dự án, đơn hàng và kiểm tra áp dụng.

Thành phần hóa học

Thành phần tham chiếu ASTM B418 để rà soát hợp kim anốt kẽm.

Nguyên tố	ASTM B418 Type I	ASTM B418 Type II
Nhôm (Al)	0.1-0.5%	Tối đa 0.005%
Cadimi (Cd)	0.025-0.07%	Tối đa 0.003%
Sắt (Fe)	Tối đa 0.005%	Tối đa 0.0014%
Chì (Pb)	Tối đa 0.006%	Tối đa 0.003%
Đồng (Cu)	Tối đa 0.005%	Tối đa 0.002%
Kẽm (Zn)	Phần còn lại	Phần còn lại

Type I: hợp kim kẽm-nhôm-cadimi tham chiếu khi yêu cầu dung lượng/hiệu suất dòng cao hơn. Type II: hợp kim kẽm tinh khiết cao, giới hạn nhôm, cadimi, sắt, chì, đồng chặt hơn. Kẽm là phần cân bằng trong cả hai loại.

Có thể kiểm soát thành phần theo ASTM B418, yêu cầu khách hàng hoặc dự án. Chứng chỉ vật liệu theo yêu cầu.

Quy cách phổ biến

Mẫu CathPro	Tiết diện	Khối lượng dài	Đường kính lõi	Chiều dài cuộn tiêu chuẩn
CP-ZR-Super	1 in × 1-1/4 in; 25.40 × 31.75 mm	2.4 lb/ft; 3.570 kg/m	0.185 in; 4.70 mm	100 ft; 30.5 m
CP-ZR-Plus	5/8 in × 7/8 in; 15.88 × 22.22 mm	1.20 lb/ft; 1.785 kg/m	0.135 in; 3.43 mm	200 ft; 61 m
CP-ZR-Standard	1/2 in × 9/16 in; 12.70 × 14.28 mm	0.60 lb/ft; 0.893 kg/m	0.130 in; 3.30 mm	500 ft; 152 m
CP-ZR-Small	11/32 in × 13/32 in; 8.73 × 10.32 mm	0.25 lb/ft; 0.372 kg/m	0.115 in; 2.92 mm	1000 ft; 305 m

Loại nặng: Super/Plus có tiết diện và khối lượng dài lớn hơn cho nhu cầu đầu ra cao. Standard là cỡ tham chiếu cân bằng cho đường ống, bồn và tiếp địa. Small hỗ trợ bố trí gọn, cuộn tiêu chuẩn dài hơn khi không gian tuyến hạn chế.

Tên mẫu có thể điều chỉnh theo yêu cầu khách hàng. Có thể tùy chọn kích thước, đường kính lõi, chiều dài/khối lượng cuộn và phương pháp đóng gói.

Thông tin đặt hàng

1. Mẫu hoặc kích thước tiết diện.
2. ASTM B418 Type I, Type II hoặc hợp kim theo dự án.
3. Đường kính lõi thép.
4. Chiều dài cuộn hoặc tổng số lượng.
5. Đóng gói: cuộn, tang gỗ, tang thép, pallet hoặc thùng gỗ xuất khẩu.
6. Ứng dụng: giảm ảnh hưởng AC, tiếp địa, anốt vòng bồn, ống lồng hoặc CP đường ống.
7. Hồ sơ kiểm tra và yêu cầu chứng nhận.
8. Cảng đến và điều kiện giao hàng.

Để rà soát nhanh, gửi cùng yêu cầu các thông tin tiêu chuẩn hợp kim, kích thước, tùy chọn cuộn/bao gói, hồ sơ kiểm tra và điều kiện giao hàng.

Kiểm soát chất lượng và hồ sơ

CathPro thực hiện kiểm tra có kiểm soát trong sản xuất và trước giao, nhằm đáp ứng yêu cầu mua hàng đã xác nhận.

Hạng mục	Mục đích
Thành phần hóa học	Xác minh hợp kim kẽm phù hợp
Chiều rộng/chiều dày	Xác nhận độ đồng đều kích thước
Khối lượng dài	Xác nhận khối lượng trên đơn vị chiều dài
Đường kính lõi thép	Xác nhận tính liên tục cơ học và cỡ lõi
Tình trạng bề mặt	Kiểm ngoại quan, chất lượng đùn, khuyết tật nhìn thấy
Chiều dài/khối lượng cuộn	Xác nhận lượng giao
Đóng gói	Xác nhận phù hợp xuất khẩu, bảo vệ thao tác
Nhãn/dấu	Hỗ trợ truy xuất và nhận dạng dự án

Hồ sơ có thể cung cấp: báo cáo thành phần hóa học; biên bản kích thước, khối lượng dài, bề mặt, đóng gói; chứng nhận phù hợp; MTC theo yêu cầu.

Đóng gói, thao tác và thông tin công ty

Dạng đóng gói theo vận chuyển và lắp đặt: cuộn; tang gỗ; tang thép; pallet; thùng gỗ xuất khẩu; nhãn/ký mã hiệu dự án. Chọn theo khối lượng cuộn, cách vận chuyển, điều kiện thao tác tại công trường và yêu cầu khách hàng.

- Lưu kho khô, thông thoáng trước lắp.
- Tránh va đập mạnh khi vận chuyển/thao tác.
- Giữ nhãn nhìn rõ để truy xuất.
- Tránh làm bẩn bề mặt kẽm trước lắp.
- Tuân thủ quy trình lắp, yêu cầu đấu nối được dự án duyệt.

Jiaozuo Huayu Magnesium Co., Ltd. | CathPro. Nhóm sản phẩm: vật tư bảo vệ catốt và anốt hy sinh. Liên hệ để được hỗ trợ yêu cầu kỹ thuật, báo giá, bản vẽ, yêu cầu dự án hoặc hồ sơ.

Địa chỉ: Trung Quốc. Điện thoại: +86 18839001234. Email: sales@cathprocp.com. Website: www.cathprocp.com.

Phiên bản	Ngày	Nội dung
Rev. B	2026-08-10	Bản hiện tại
Rev. A	2026-04-29	Phát hành lần đầu